

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về Tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 17 tháng 03 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tiêu chí phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 bố trí thực hiện các dự án theo cơ chế đầu tư thông thường và phương án phân bổ 180.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021 (*Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2021*), cụ thể như sau:

1. Tiêu chí phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 bố trí thực hiện các dự án theo cơ chế đầu tư thông thường:

Phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) để thực hiện các dự án đầu tư theo cơ chế thông thường trên cơ sở đưa ra các tiêu chí để tính điểm, bao gồm:

1.1. Tiêu chí chính:

- Tiêu chí về số km giao thông đường xã cần cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới theo quy hoạch còn thiếu để đạt chuẩn nông thôn mới;

- Tiêu chí về nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp các hồ đập có dung tích chứa dưới 500.000 m³;
- Tiêu chí về nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các công trình nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn;
- Tiêu chí về số xã trên địa bàn đến hết năm 2020 cơ bản chưa được bố trí đủ vốn đầu tư để đạt chuẩn nông thôn mới;
- Tiêu chí về số tổng nguồn thu sử dụng đất năm 2021 của cấp huyện.

1.2. Tiêu chí bổ sung:

- Tiêu chí cho 05 huyện nghèo;
- Tiêu chí cho 02 huyện cận nghèo thuộc Nhóm IV trong Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025;
- Tiêu chí cho thị xã Buôn Hồ để thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục xây dựng, phát triển thị xã Buôn Hồ giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao);
- Tiêu chí cho thành phố Buôn Ma Thuột để thực hiện Kết luận số 67/KL-TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

2. Phương án phân bổ 180.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021:

2.1. Bố trí đủ phần vốn còn thiếu cho các dự án đã phê duyệt quyết toán, dự án hoàn thành và dự án chuyển tiếp theo tiến độ là 9.864 triệu đồng.

2.2. Bố trí khen thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 đủ điều kiện để khen thưởng theo quy định (1.000 triệu đồng/xã) là 10.000 triệu đồng.

2.3. Bố trí để khởi công mới các dự án đầu tư theo cơ chế đầu tư thông thường thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tập trung, ... trên địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố là 160.136 triệu đồng, cụ thể:

- Thống nhất bố trí tối thiểu 65% tổng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 của Chương trình và tổng mức vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương, giai đoạn 2021-2023 là 700.000 triệu đồng để đầu tư các dự án theo cơ chế thông thường thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tập trung, ... để tạo liên kết xã, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho người dân khu vực nông thôn.

- Phân bổ 160.136 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch

năm 2021 cho 15 huyện, thị xã, thành phố để khởi công mới 82 dự án đầu tư trong năm 2021.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III và IV kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGÂN SÁCH TỈNH BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021***(Kèm theo Nghị quyết số 09NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chương trình/nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	Tổng cộng	180,000	165,000	15,000	
1	Bố trí cho các dự án quyết toán, hoàn thành và chuyển tiếp	9,864	4,864	5,000	Chi tiết tại Phụ lục II
2	Bố trí khen thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 đã đủ điều kiện khen thưởng theo quy định	10,000		10,000	Chi tiết tại Phụ lục III
3	Bố trí cho các dự án khởi công mới đầu tư theo cơ chế thông thường	160,136	160,136		Chi tiết tại Phụ lục IV

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021
(NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH) BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN THANH TOÁN NỢ, CHUYỂN TIẾP - BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí đến hết 2020		Số vốn còn thiếu		KH năm 2021 nguồn NST			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó:		
													Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	TỔNG CỘNG				129,924	88,155	37,692	77,997	74,021	14,134	14,134	9,864	4,864	5,000	
I	Dự án đã phê duyệt quyết toán				12,815	6,981	5,834	6,659	6,274	707	707	632	632	—	
1	Nhà văn hóa và sân thể thao xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột (NST hỗ trợ 50% dự toán mẫu)	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	261/QĐ-UBND xã 08/11/2017	6,618	2,653	3,965	2,520	2,520	133	133	133	133		QT
2	Nhà văn hóa xã Cư Mốt, huyện Ea H'leo	Xã Cư Mốt	BQL xã Cư Mốt	17/QĐ-UBND ngày 14/02/2020	3,084	2,166	918	1,700	1,700	466	466	425	425		QT
3	Nhà văn hóa xã Băng Adrênh (NST hỗ trợ 70%), huyện Krông Ana	Xã Băng Adrênh	BQL xã Băng Adrênh	36a/QĐ-UBND xã 03/5/2019	3,113	2,162	951	2,439	2,054	108	108	74	74	—	QT
II	Dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng và chưa phê duyệt Quyết toán				46,793	27,082	15,635	28,483	24,992	2,090	2,090	700	700	—	
1	Nhà văn hóa xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông	BQL xã Ea Drông	59/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	3,200	2,161	1,039	1,700	1,700	461	461	350	350		HT
2	Nhà văn hóa xã Ea Siên (NST hỗ trợ 50%), huyện Buôn Hồ	Xã Ea Siên	BQL xã Ea Siên	129/QĐ-UBND xã 06/9/2018	3,123	1,544		1,467	1,467	77	77	0		0	HT
3	Nhà văn hóa xã Tam Giang, huyện Krông Năng	Xã Tam Giang	BQL xã Tam Giang	84/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	3,606	2,174	1,432	1,700	1,700	474	474	350	350		HT
4	Nhà văn hoá xã Bình Hoà, huyện Krông Ana (NST hỗ trợ 70%)	Xã Bình Hòa	UBND xã Bình Hòa	4913/QĐ-UBND ngày 24/11/2015	6,998	3,260	3,738	3,097	3,097	163	163	0		0	HT
5	Nhà văn hóa xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar (NST hỗ trợ 70%)	Xã Quảng Hiệp	UBND xã Quảng Hiệp	75/QĐ-UBND xã 28/9/2017	4,980	3,287	1,693	3,123	3,123	164	164	0		0	HT
6	Nhà văn hoá xã Ea M'nam, huyện Cư M'gar (NST hỗ trợ 50%)	Xã Ea M'nam	UBND xã Ea M'nam	141/QĐ-UBND xã 31/8/2017	4,980	2,348	2,632	2,043	2,043	108	108	0		0	HT

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí đến hết 2020		Số vốn còn thiếu		KH năm 2021 nguồn NST			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó:		
													Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
7	Nhà văn hóa xã Ea Kiết (NST 70%), huyện Cư Mgar	Xã Ea Kiết	BQL xã Ea Kiết	110/QĐ-UBND xã 02/8/2018	3,093	2,151		2,043	2,043	108	108	0		0	HT
8	Nhà văn hóa xã Ea Tar (NST 50%), huyện Cư Mgar	Xã Ea Tar	BQL xã Ea Tar	168/QĐ-UBND xã 01/8/2018	3,093	1,537		1,460	1,460	77	77	0		0	HT
9	Nhà văn hóa xã Ea H'đing (NST hỗ trợ 70%), huyện Cư M'gar	Xã Ea H'đing	BQL xã Ea H'đing	103/QĐ-UBND xã 20/6/2019	3,775	2,151	1,624	2,863	2,043	108	108	0		0	HT
10	Nhà văn hóa xã Ea Drong (NST hỗ trợ 70%), huyện Cư M'gar	Xã Ea Drong	BQL xã Ea Drong	150/QĐ-UBND xã 26/6/2019	3,762	2,151	1,611	2,863	2,043	108	108	0		0	HT
11	Nhà văn hóa xã Ea Khal (NST hỗ trợ 70%), huyện Ea H'leo	Xã Ea Khal	BQL xã Ea Khal	48/QĐ-UBND xã 16/4/2019	3,094	2,165	929	2,986	2,057	108	108	0	0		HT
12	Nhà văn hóa xã Ea Knuéc (NST hỗ trợ 70%), huyện Krông Pắc	Xã Ea Knuéc	BQL xã Ea Knuéc	1199/QĐ-UBND huyện 07/5/2019	3,089	2,153	936	2,967	2,045	108	108	0		0	HT
III	Các dự án chuyển tiếp				70,316	54,092	16,224	42,855	42,755	11,337	11,337	8,532	3,532	5,000	
1	Cải tạo, nâng cấp Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung tại 09 buôn, thuộc xã Ea Rók, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Hạng mục: Nâng cấp giếng khoan, đài nước, khu xử lý nước - nhà quản lý vận hành, mạng lưới đường ống và đầu nối hộ, thiết bị đi kèm	Xã Ea Rók	Ban QLDA ĐTXD H.Ea Súp	464a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện	14,867	13,380	1,487	12,711	12,711	669	669	0		0	
2	Nhà văn hóa xã Ea Bung, huyện Ea Súp	Xã Ea Bung	BQL xã Ea Bung	270b/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	3,205	2,862	343	2,256	2,256	606	606	300	300		CT
3	Nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Tul A, Buôn Tul B thuộc xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn	Xã Ea Wer	Ban QLDA ĐTXD H.Buôn Đôn	5048/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện	12,695	11,426	1,269	10,955	10,855	571	571	0		0	
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Niêng I, Buôn Niêng II, Buôn Niêng III, Buôn Ko Đung A, Buôn Ko Đung B, thôn Hòa An, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD H.Buôn Đôn	3052/QĐ-UBND 31/10/2019 của UBND huyện	14,995	13,465	1,530	6,733	6,733	6,732	6,732	6,732	1,732	5,000	Đủ phần 90% NST hỗ trợ
5	Nhà văn hóa xã Ea Tam, huyện Krông Năng	Xã Ea Tam	BQL xã Ea Tam	110/QĐ-UBND ngày 29/5/2020	3,606	2,174	1,432	1,700	1,700	474	474	250	250		CT
6	Nhà văn hóa xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Xã Dray Sáp	BQL xã Dray Sáp	235/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	4,400	2,162	2,238	1,700	1,700	462	462	250	250		CT

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí đến hết 2020		Số vốn còn thiếu		KH năm 2021 nguồn NST			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó:		
													Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
7	Nhà văn hóa xã Ea Ning, huyện Cư Kuin	Xã Ea Ning	BQL xã Ea Ning	Số 133/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã	4,066	2,147	1,919	1,700	1,700	447	447	250	250		CT
8	Nhà văn hóa xã Tân Lập, huyện Krông Búk	Xã Tân Lập	BQL xã Tân Lập	185/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	3,100	2,170	930	1,700	1,700	470	470	250	250		CT
9	Nhà văn hóa xã Cư M'gar, huyện Cư M'gar	Xã Cư M'gar	BQL xã Cư M'gar	132/QĐ-UBND ngày 18/5/2020	4,232	2,151	2,081	1,700	1,700	451	451	250	250		CT
10	Nhà văn hóa xã Cư Huê, huyện Ea Kar	Xã Cư Huê	BQL xã Cư Huê	173/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	5,151	2,155	2,996	1,700	1,700	455	455	250	250		CT

Phụ lục III

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021 (NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUỘC NGÂN SÁCH TỈNH) BỐ TRÍ KHEN THƯỞNG CHO CÁC XÃ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN LŨY KẾ ĐẾN HẾT 2019, CHƯA ĐƯỢC KHEN THƯỞNG VÀ KHÔNG CÒN NỢ ĐONG XDCB -BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
				Tổng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất từ NST	
	TỔNG CỘNG			10,000	10,000	
I	Thành phố Buôn Ma Thuột			1,000	1,000	
1	Xã Hoà Phú	Xã Hoà Phú	BQL xã	1,000	1,000	
II	Huyện Cư M'gar			2,000	2,000	
2	Xã Ea H'đing	Xã Ea H'đing	BQL xã	1,000	1,000	
3	Xã Ea Drong	Xã Ea Drong	BQL xã	1,000	1,000	
III	Huyện Krông Pắc			1,000	1,000	
4	Xã Ea Knuéc	Xã Ea Knuéc	BQL xã	1,000	1,000	
IV	Huyện Cư Kuin			1,000	1,000	
5	Xã Ea Ktur	Xã Ea Ktur	BQL xã	1,000	1,000	
V	Huyện Krông Ana			1,000	1,000	
6	Xã Băng A drênh	Xã Băng A drênh	BQL xã	1,000	1,000	
VI	Huyện Ea H'leo			3,000	3,000	
7	Xã Ea Wy	Xã Ea Wy	BQL xã	1,000	1,000	
8	Xã Ea Hiao	Xã Ea Hiao	BQL xã	1,000	1,000	
9	Xã Ea Khal	Xã Ea Khal	BQL xã	1,000	1,000	
VII	Huyện Ea Kar			1,000	1,000	
10	Xã Ea Týh	Xã Ea Týh	BQL xã	1,000	1,000	

Phụ lục IV

**PHÂN KHAI CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN
KHỞI CÔNG MỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO CƠ CHẾ ĐẦU TƯ THÔNG THƯỜNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, KẾ HOẠCH NĂM 2021- BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư dự kiến GD 2021-2023		Vốn NST, kế hoạch 2021 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Tổng vốn NST và NSTW dự kiến GD 2021-2023		
	TỔNG SỐ				700,000	160,136	
I	HUYỆN EA SÚP				79,000	18,000	
1	Đường GT liên xã Ya Tờ Mốt-Ia Rvê, huyện Ea Súp	Xã Y Tờ Mốt và Xã Ia Rvê	2021-2023		21,000	4,790	
2	Đường GT từ trung tâm xã Cư K'bang đi khu sản xuất đầu nối vào đường liên huyện Ea Súp - Ea H'Leo	Xã Cư Khang	2021-2023		11,500	2,620	
3	Nâng cấp tuyến đường trên kênh N8 thuộc hệ thống kênh chính tây, công trình thủy lợi Ea Súp thượng đoạn từ xã Ea Bung đến xã Ya Tờ Mốt	Xã Ea Bung và Xã Ya Tờ Mốt	2021-2023		6,000	1,370	
4	Đường giao thông từ ngã tư xã Cư M'Lan đi khu sản xuất của đồng bào dân tộc xã Cư M'Lan, huyện Ea Súp đầu nối vào đường liên huyện Ea Súp - Cư M'gar	Xã Cư M'Lan	2021-2023		13,000	2,960	
5	Đường giao thông liên xã Cư M'Lan đi xã Ea Rvê, huyện Ea Súp (GD 2)	Xã Cư M'Lan	2021-2023		8,000	1,820	
6	Đường giao thông từ xã Ia Lốp đi xã Ia Jloi (Đoạn ngã ba Công ty Lâm nghiệp Ya Lốp đi xã Ia Lốp), huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	2021-2023		13,000	2,960	
7	Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Jloi đi buôn Ba Na xã Ia Jloi, huyện Ea Súp	Xã Ia Jloi	2021-2023		6,500	1,480	
II	HUYỆN CƯ M'GAR				44,400	10,200	
1	Đường GT liên xã Cư M'gar đi thôn 6 xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar	Xã Cư M'gar và Xã Quảng Hiệp	2021-2023		8,000	1,820	
2	Đường GT liên xã Ea M'ngang, huyện Cư M'gar đi xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn (Đoạn qua thôn 6 và thôn 8 xã Ea M'ngang)	Xã Ea M'ngang	2021-2023		5,400	1,230	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã Quảng Hiệp đi xã Ea H'ding, huyện Cư M'gar (giai đoạn 2)	Xã Quảng Hiệp	2021-2023		3,000	680	

4	Đường GT liên xã Ea M'droh - Ea H'đing (điểm đầu ngã 3 dốc đỏ, Ea M'droh- điểm cuối ngã 3 Thanh Hóa buôn Tar, Ea H'đing), huyện Cư M'gar	Xã Ea M'droh và Xã EaH'đing	2021-2023		10,000	2,280	
5	Nâng cấp, cải tạo đường GT liên xã Cư M'gar đi xã Ea Kpam, huyện Cư M'gar	Xã Cư M'gar và xã Ea Kpam	2021-2023		6,000	1,370	
6	Đập dâng Ea Nung 1, xã Cư M'gar	Xã Cư M'gar	2021-2023		12,000	2,820	
III	HUYỆN KRÔNG PẮC				54,700	12,470	
1	Đường GT từ xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Xã Vụ Bồn	2021-2023		13,500	3,080	
2	Đường giao thông liên xã Tân Tiến - Ea Uy - Ea Yieang, huyện Krông Pắc	Xã Tân Tiến - Ea Uy- Ea Yieang	2021-2023		9,800	2,230	
3	Đường GT liên xã Ea Uy đi xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	Xã Ea Uy - Vụ Bồn	2021-2023		13,400	3,060	
4	Đường giao thông liên xã Ea Hiu - Ea Uy	Xã Ea Hiu và xã Ea Uy	2021-2023		8,000	1,820	
5	Đường giao thông từ trung tâm xã Ea Phê, huyện Krông Pắc đi xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Phê	2021-2023		10,000	2,280	
IV	HUYỆN BUÔN ĐÔN				42,000	9,660	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Bar huyện Buôn Đôn đi xã Ea M'Nang huyện Cư M'gar	Xã Ea Bar	2021-2023		11,000	2,510	
2	Bê tông hóa đường GT liên xã phục vụ sản xuất xã Ea Bar đi xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	Xã Ea Bar và xã Ea Nuôl	2021-2023		5,000	1,140	
3	Đường giao thông liên xã Ea Nuôl - Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn (Km0 - Km 3+900)	Xã Ea Nuôl và xã Cuôr Knia	2021-2023		10,000	2,280	
4	Đường GT liên xã từ xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn đi phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Ea Nuôl	2021-2023		5,000	1,140	
5	Đập dâng Hoà Nam 2, Xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	Xã Ea Nuôl	2021-2023		11,000	2,590	
V	HUYỆN LẮK				44,300	10,280	
1	KCH kênh chính đập dâng Yang Lah - GD 2, xã Đăk Liêng, huyện Lăk	Xã Đăk Liêng	2021-2023		7,500	1,800	
2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi đập dâng Buôn Dren B, xã Đăk Liêng	Xã Đăk Liêng	2021-2023		8,000	1,820	
3	Đường GT liên xã Đăk Nuê- Đăk Phoi, huyện Lăk	Xã Đăk Nuê- Đăk Phoi	2021-2023		7,000	1,600	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk Liêng- Đăk Phoi, huyện Lăk	Xã Đăk Liêng - Đăk Phoi	2021-2023		7,000	1,600	
5	Nâng cấp, kiên cố hóa kênh N2 trạm bơm buôn Cuôr, xã Yang Tao	Xã Yang Tao	2021-2023		7,000	1,680	
6	Nâng cấp, kiên cố hóa kênh cánh đồng Bông Krang, xã Bông Krang	Xã Bông Krang	2021-2023		7,800	1,780	
VI	HUYỆN KRÔNG BÔNG				45,500	10,360	
1	Đường GT liên xã Hòa Sơn đi xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Xã Hòa Sơn và Xã Ea Trul	2021-2023		8,000	1,820	

2	Đường giao thông liên xã Hòa Tân đi xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Xã Hòa Tân và xã Ea Trul	2021-2023		8,000	1,820	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ xã Hòa Thành, huyện Krông Bông đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	Xã Hòa Thành	2021-2023		10,500	2,390	
4	Cấp nước sinh hoạt xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Xã Ea Trul	2021-2023		11,000	2,510	
5	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại 4 thôn Ea Uôl, Ea Lang, Cư Rang và Cư Tê, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Xã Cư Pui	2021-2023		8,000	1,820	
VII	HUYỆN CƯ KUIN				29,700	6,770	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã từ xã Ea Bhók đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	Xã Ea Bhók	2021-2023		23,700	5,400	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã từ xã Hòa Hiệp đi xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin	Xã Hòa Hiệp - Xã Dray Bhang	2021-2023		6,000	1,370	
VIII	HUYỆN EA H'LEO				48,000	11,040	
1	Hồ chứa thôn 5, xã Dliê Yang	Xã Dliê Yang	2021-2023		4,000	1,000	
2	Đường giao thông trục xã từ buôn Dang đi trung tâm xã Ea H'Leo	Xã Ea H'Leo	2021-2023		8,500	1,940	
3	Công trình cấp nước tập trung xã Ea Sol	Xã Ea Sol	2021-2023		7,000	1,600	
4	Đường giao thông trục xã từ thôn 11, thôn 5C đi trung tâm xã Ea Hiao	Xã Ea Hiao	2021-2023		8,500	1,940	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Hiao đi các thôn buôn xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo	Xã Ea Sol	2021-2023		6,000	1,370	
6	Đường giao thông trục xã từ thôn 5 đi trung tâm xã Ea Khal	Xã Ea Khal	2021-2023		5,500	1,250	
7	Đường giao thông trục xã từ thôn 1B đi thôn 8B, cánh đồng A6, xã Ea Wy	Xã Ea Wy	2021-2023		3,500	800	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ tỉnh lộ 15 xã Dliê Yang đi xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo	Xã Dliê Yang và xã Ea Hiao	2021-2023		5,000	1,140	
IX	HUYỆN EA KAR				56,500	12,880	
1	Đường giao thông liên xã Ea Ô đi xã Cư Elang huyện Ea Kar (đoạn từ thôn 2A xã Ea Ô đi thôn 4 xã Cư Elang)	Xã Ea Ô và Cư Elang	2021-2023		9,000	2,050	
2	Đường trung tâm liên xã từ trung tâm xã Ea Pal đi xã Cư Prông, huyện Ea Kar	Xã Ea Pal và Xã Cư Prông	2021-2023		7,000	1,600	
3	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã đi thôn 2, thôn 3, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	Xã Cư Yang	2021-2023		7,000	1,600	
4	Đường giao thông liên xã Ea Kmút đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Xã Ea Kmút và Xã Ea Ô	2021-2023		6,500	1,480	
5	Đường giao thông liên xã Xuân Phú đi xã Ea Sar, huyện Ea Kar	Xã Xuân Phú và Xã Ea Sar	2021-2023		5,500	1,250	

6	Đường giao thông liên xã Cư Yang đi xã Cư Prông, huyện Ea Kar (đoạn qua thôn 8 xã Cư Yang)	Xã Cư Yang	2021-2023		6,000	1,370	
7	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã đi thôn 6, thôn 7 xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	Xã Xuân Phú	2021-2023		4,000	910	
8	Đường GT trạm y tế nối đường liên xã, qua buôn Surk xã Ea Đar đi thôn 7 xã Cư Ni huyện Ea Kar	Xã Ea Đar và Xã Cư Ni	2021-2023		4,000	910	
9	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã đi thôn 8, thôn 1, thôn 3, thôn 6 và buôn Ea Sar, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	Xã Ea Sar	2021-2023		7,500	1,710	
X	HUYỆN KRÔNG ANA				36,800	8,380	
1	Đường GT trục xã Ea Bông đi xã Băng Adrênh, huyện Krông Ana	Xã Ea Bông	2021-2023		3,300	750	
2	Nâng cấp mở rộng đường giao thông trục xã từ ngã ba Ea Tung, xã Ea Na (tại Km11 + 190 Tỉnh lộ 2) đi Thác Gia Long, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Xã Ea Na và Xã Dray Sáp	2021-2023		10,500	2,390	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã từ ngã ba cây Hương, xã Băng Adrênh đến xã Dư Kmăl, huyện Krông Ana	Xã Dư Kmăl	2021-2023		8,000	1,820	
4	KCH kênh chính trạm bơm xóm lúa, xã Bình Hoà, huyện Krông Ana	Xã Bình Hoà	2021-2023		3,000	680	
5	KCH kênh chính trạm bơm T29, xã Bình Hoà, huyện Krông Ana	Xã Bình Hoà	2021-2023		12,000	2,740	
XI	HUYỆN KRÔNG BÚK				46,000	10,560	
1	Cải tạo, nâng cấp Hồ chứa nước Ea Puốc, xã Tân Lập, huyện Krông Búk	Xã Tân Lập	2021-2023		13,000	3,030	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ thôn 6 xã Cư Né đến trung tâm xã Cư Pong	Xã Cư Né và xã Cư Pong	2021-2023		27,000	6,160	
3	Đường GT liên xã từ buôn Cư Yuốt, xã Cư Pong huyện Krông Búk đi buôn Wíng, xã Ea Kuếch, huyện Cư M'gar	Xã Cư Pong	2021-2023		6,000	1,370	
XII	HUYỆN M'DRẮK				57,000	12,980	
1	Đường giao thông liên xã từ nhà Ông Thắng thôn 1 xã Ea Lai đi xã Ea Riêng	Xã Ea Lai và xã Ea Riêng	2021-2023		3,000	680	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTLX Ea Pil đi xã Cư Prao (D22), huyện M'Drắk	Xã Cư Prao	2021-2023		10,000	2,280	
3	Đường giao thông liên xã từ QL 19 C (Thôn 8) xã Ea Riêng đi thôn 1 xã Ea HM'Lây	Xã Ea Riêng và xã Ea HM'Lây	2021-2023		4,000	910	
4	Đường giao thông trục xã Cư Prao (đoạn nối dài qua thôn 7, thôn 8, thôn 9, xã Cư Prao)	Xã Cư Prao	2021-2023		6,500	1,480	
5	Nâng cấp đường giao thông liên xã từ QL 26 xã Cư M'ta (đoạn nối tiếp), đi thôn 1 xã Cư Kroá, huyện M'Drắk (đường 21 Bis)	Xã Cư M'ta và xã Cư Kroá	2021-2023		5,500	1,250	

6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 26 xã Cư M'ta đến Quốc lộ 19C xã Ea Riêng, huyện M'Đrăk	Xã Cư M'Ta và Xã Ea Riêng	2021-2023		28,000	6,380	
XIII	HUYỆN KRÔNG NĂNG				58,800	13,410	
1	Đường GT trục xã từ trung tâm xã Đliê Ya đến Buôn Tleh, xã Đliê Ya, huyện Krông Năng	Xã Đliê Ya	2021-2023		6,000	1,370	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Tam Giang đi xã Ea Púk, xã Ea Tam, xã Cư Klông huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	2021-2023		27,800	6,340	
3	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã Phú Lộc đến thôn Lộc Tài, thôn Lộc Thạnh xã Phú Lộc nối với TDP1 thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	Xã Phú Lộc	2021-2023		10,000	2,280	
4	Đường GT trục xã từ trung tâm xã Ea Tam đến thôn Tam Phương - Tam Thủy - Tam Đồng xã Ea Tam, huyện Krông Năng	Xã Ea Tam	2021-2023		6,000	1,370	
5	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã Phú Xuân đến thôn Xuân Ninh, thôn Xuân Vĩnh, xã Phú Xuân nối với TDP3 thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	Xã Phú Xuân	2021-2023		9,000	2,050	
XIV	THỊ XÃ BUÔN HỒ				32,800	7,566	
1	Đường giao thông liên xã từ thôn 6, xã Ea Drông đi xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông và Xã Ea Blang	2021-2023		4,000	910	
2	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Drông đi xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông và Xã Ea Siên	2021-2023		6,000	1,370	
3	Đường giao thông liên xã từ QL 14 xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ đi QL 26 xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc	Xã Cư Bao	2021-2023		7,000	1,600	
4	Nâng cấp, cải tạo hồ Ea Phê, xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	Xã Bình Thuận	2021-2023		11,000	2,596	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Siên và Xã Bình Thuận	2021-2023		4,800	1,090	
XV	THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT				24,500	5,580	
1	Đường giao thông trục xã từ QL14 vào thôn 2 và thôn 7, xã Hoà Thuận (Trục số 5A và 17A)	Xã Hoà Thuận	2021-2023		3,000	680	
2	Đường giao thông trục xã Hòa Thuận - Đoạn qua các thôn 2, thôn 3, thôn 7, xã Hoà Thuận (03 trục 7A, 9S, 13A)	Xã Hoà Thuận	2021-2023		3,000	680	
3	Nâng cấp đập kết hợp đường giao thông trên đập hồ ông Thao, xã Ea Tu	Xã Ea Tu	2021-2023		3,500	800	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trung tâm xã đi thôn 5, xã Hoà Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Hoà Khánh	2021-2023		13,200	3,010	
5	Cải tạo, nâng cấp đường từ trung tâm xã đi thôn 4, thôn 6 xã Hoà Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Hoà Thuận	2021-2023		1,800	410	